

# MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

**Tên chương trình đào tạo:** Chương trình đào tạo Luật

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:**

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Luật

+ Tên tiếng Anh: Law

**Mã ngành đào tạo:** 7380101

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

**Đơn vị cấp bằng:** Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

**Khoa phụ trách:** Khoa Luật

**Tên gọi văn bằng:**

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Luật

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Law

**Các chương trình đã đối sánh:**

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật của Học viện Hành chính

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế của Đại học Lao động - Xã hội

+ Chương trình đào tạo cử nhân Luật của Học viện Phụ nữ

**Thời gian đào tạo:** 3 - 4 năm (tối đa 6 năm)

**Ngày phát hành, chỉnh sửa chương trình đào tạo:** tháng 08/2023

**Nơi phát hành:** Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

## 2. Mục tiêu chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về pháp luật, cùng thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan; có tư duy phản biện để phân tích, đánh giá, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật; có kỹ năng thực hành, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo giải quyết những vấn đề pháp lý góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

- Có kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận dụng để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

- Có kiến thức quản lý, điều hành trong lĩnh vực nhà nước và pháp luật; cùng thực tiễn thực thi pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, dân sự, lao động, hình sự, đất đai, thương mại, sở hữu trí tuệ, công chứng, chứng thực, nghiệp vụ tố tụng và các lĩnh vực khác của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng động, sáng tạo trong công việc như kỹ năng xử lý công việc hành chính, kỹ năng nghề luật, kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự, đất đai, lao động, hành chính.

- Có kỹ năng thực thi pháp luật, phản biện, đánh giá, kiến nghị, đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có trách nhiệm nghề nghiệp.

- Có khả năng tự đánh giá hiệu quả công việc, tự định hướng phát triển chuyên môn và khả năng khởi nghiệp.

## 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

### 3.1. Mục tiêu kiến thức

**PO1 (CĐR1).** Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

**PO2 (CĐR2).** Áp dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm...vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

**PO3 (CĐR3).** Áp dụng được hệ thống quy định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, dân sự, lao động, hình sự, đất đai, thương mại, sở hữu trí tuệ, công chứng, chứng thực, nghiệp vụ tố tụng và các lĩnh vực khác trong hệ thống pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

**PO4 (CĐR4).** Áp dụng được hệ thống quy định pháp luật về thanh tra, hộ tịch, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong nghiệp vụ thanh tra, tư pháp hộ tịch, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**PO5 (CĐR5).** Áp dụng được kiến thức pháp lý có liên quan để thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật trong một số lĩnh vực như dân sự, lao động, đất đai, hành chính.

### 3.2. Mục tiêu kỹ năng

**PO6 (CĐR6).** Tra cứu văn bản pháp luật, phân tích và giải thích pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

**PO7 (CĐR7).** Tham mưu, đề xuất, tham gia xây dựng và phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến thanh thiếu nhi và

vị trí việc làm;

**PO8 (CĐR8).** Soạn thảo văn bản pháp luật, văn bản hành chính và các hợp đồng thông dụng;

**PO9 (CĐR9).** Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng xã hội nói chung và thanh thiếu nhi nói riêng;

**PO10 (CĐR10).** Tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

**PO11 (CĐR11).** Tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng;

**PO12 (CĐR12).** Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014;

**PO13 (CĐR13).** Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

### **3.3. Mục tiêu tự chủ và trách nhiệm**

**PO14 (CĐR14).** Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và có khả năng chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

**PO15 (CĐR15).** Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; giữ gìn đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập nâng suất đời.

**PO16 (CĐR16).** Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng xã hội nói chung, Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho công dân, tổ chức.

### **3.4. Mục tiêu về thái độ**

**PO17 (CĐR17).** Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc

## **4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên ngành Luật sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc ở các cơ quan, tổ chức sau đây:

- Làm việc trong hầu hết các cơ quan nhà nước bao gồm: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, Phòng, Ban; Thanh tra, Công an, Kiểm lâm, Thuế, Hải quan, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh ....

- Làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp; tổ chức xã – hội nghề nghiệp như: Tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên

đoàn lao động, Hội luật gia, Liên minh hợp tác xã Việt Nam

- Làm việc tại các văn phòng luật, công ty luật, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, trung tâm trọng tài; làm việc trong các tổ chức kinh tế ở các vị trí chuyên viên tư vấn pháp luật trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, xuất nhập khẩu, lao động; tham gia đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp; tham gia giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại cho doanh nghiệp; làm chuyên viên hành chính – nhân sự cho các doanh nghiệp.

- Tham gia giảng dạy các môn học thuộc chuyên ngành luật, môn pháp luật đại cương và một số môn học khác ( giáo dục công dân) cho các cơ sở giáo dục; tham gia nghiên cứu pháp luật trong các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu.

- Học lên các bậc sau đại học như thạc sỹ, tiến sỹ; tham gia các lớp đào tạo nghề luật như thẩm phán, công chứng, luật sư, thừa phát lại ...

### 5. Mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

Mã hoá	Chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO1	Áp dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.	3/6
PLO2	Áp dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm...vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.	3/6
PLO3	Áp dụng được hệ thống quy định của pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, dân sự, lao động, hình sự, đất đai, thương mại, sở hữu trí tuệ, công chứng, chứng thực, nghiệp vụ tố tụng và các lĩnh vực khác trong hệ thống pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	3/6
PLO4	Áp dụng được hệ thống quy định pháp luật về thanh tra, hộ tịch, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong nghiệp vụ thanh tra, tư pháp hộ tịch, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	3/6
PLO5	Áp dụng được kiến thức pháp lý có liên quan để thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật trong một số lĩnh vực như dân sự, lao động, đất đai, hành chính.	3/5
PLO6	Tra cứu văn bản pháp luật, phân tích và giải thích pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;	4/5

<b>PLO7</b>	Tham mưu, đề xuất, tham gia xây dựng và phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến thanh thiếu nhi và vị trí việc làm;	4/5
<b>PLO8</b>	Soạn thảo văn bản pháp luật, văn bản hành chính và các hợp đồng thông dụng;	3/5
<b>PLO9</b>	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng xã hội nói chung và thanh thiếu nhi nói riêng;	3/5
<b>PLO10</b>	Tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;	4/5
<b>PLO11</b>	Tham gia tổ tụng và đại diện ngoài tổ tụng;	4/5
<b>PLO12</b>	Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014;	4/5
<b>PLO13</b>	Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.	4/5
<b>PLO14</b>	Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và có khả năng chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.	4/5
<b>PLO15</b>	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; giữ gìn đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập nâng suất đời.	4/5
<b>PLO16</b>	Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng xã hội nói chung, Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho công dân, tổ chức.	4/5

## 6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Chương trình đào tạo toàn khóa là 120 tín chỉ, trong đó 102 tín chỉ bắt buộc, 18 tín chỉ tự chọn, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng an - ninh (8 tín chỉ).

## 7. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

## 9. Phương pháp dạy - học

Nhiều phương pháp được áp dụng trong quá trình đào tạo như:

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp bài tập
- Phương pháp làm việc nhóm
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp nghiên cứu tình huống
- Phương pháp thực hành
- Phương pháp pháp vấn
- Phương pháp thực tập tại các cơ sở

## 10. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

## 11. Nội dung chương trình đào tạo:

### 11.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không kể: Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)	<b>41</b>	31	10
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm:	<b>79</b>		
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	<b>42</b>	29	13
2.2	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	<b>13</b>	9	4
2.3	Kiến thức tự chọn	<b>14</b>	5	9
2.4	Thực tập tốt nghiệp			4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp/môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	<b>6</b>	3	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>120</b>	<b>77</b>	<b>43</b>

## 11.2. Khối lượng các học phần

### 11.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
<b>Các học phần giáo dục đại cương bắt buộc</b>			<b>37</b>	<b>29</b>	<b>8</b>
1	CT1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2	2	0
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2	1	1
8	XH1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
9	CT1109	Khoa học quản lý	2	2	0
10	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2	1	1
11	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	2	0
12	CB1112	Tin học đại cương	3	1	2
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3	2	1
14	CB1114	Tiếng Anh 2	3	1	2
15	TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	3	0
16	TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	1	1
<b>Các học phần giáo dục đại cương tự chọn</b>			<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
17	CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0
18	CB1118	Vũ Quốc tế	2	0	2
19	XH1119	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0
20	CT1120	Logic học đại cương	2	2	0

Ghi chú: - Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN;

- Điểm các học phần tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, Tin học đại cương;  
Giáo dục thể chất, Giáo dục QP- AN không tính vào điểm trung bình học tập.

### 11.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
<b>Các học phần cơ sở ngành bắt buộc</b>			<b>42</b>	<b>29</b>	<b>13</b>
21	L12021	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	3	2	1
22	D12022	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	2	0
23	L12023	Luật Hiến pháp	3	2	1
24	L12024	Luật Hành chính	3	2	1
25	L12025	Luật Dân sự	4	3	1
26	L12026	Luật Tố tụng dân sự	2	1	1
27	L12027	Luật Hình sự	4	3	1
28	L12028	Luật Tố tụng hình sự	2	1	1
29	L12029	Luật Lao động	3	2	1
30	L12030	Luật Đất đai	3	2	1
31	L12031	Luật Thương mại	3	2	1
32	L12032	Luật Hôn nhân gia đình	3	2	1
33	L12033	Công pháp quốc tế	3	2	1
34	L12034	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	2	2	0
35	CB2035	Tiếng Anh 3	2	1	1
<b>Các học phần cơ sở ngành tự chọn</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
36	L12036	Luật Tố tụng hành chính	2	1	1
37	L12037	Tư pháp quốc tế	2	2	0
38	L12038	Luật Môi trường	2	1	1
39	L12039	Luật Sở hữu trí tuệ	2	2	0



40	L12040	Luật An sinh xã hội	2	1	1
41	L12041	Luật cạnh tranh	2	2	0

### ***11.3. Kiến thức chuyên ngành***

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
<b><i>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</i></b>			<b>13</b>	<b>9</b>	<b>4</b>
42	L13042	Pháp luật về công chứng, chứng thực	2	2	0
43	L13043	Pháp luật về thanh tra và khiếu nại, tố cáo	2	2	0
44	L13044	Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	2	2	0
45	L13045	Pháp luật về quyền con người	2	1	1
46	L13046	Tư pháp cho người chưa thành niên	2	2	0
47	L14047	Thực tập chuyên ngành	3	0	3
<b><i>Các học phần chuyên ngành tự chọn</i></b>			<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>
48	L13048	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	2	1	1
49	L13049	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2	1	1
50	L13050	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	2	1	1
51	L13051	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	2	1	1
52	L15052	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2	1	1
53	L15053	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng thương mại	2	1	1
54	L15054	Luật Thương mại quốc tế	2	2	0

**11.4. Thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp/môn học thay thế khoá luận**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
55	L14055	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
56	L15056	Khoá luận tốt nghiệp/môn học thay thế khoá luận tốt nghiệp	6	3	3

*Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành*

**11.3. Kế hoạch đào tạo theo năm****Năm thứ nhất**

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Triết học Mác-Lênin	3	0	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0
2	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	2	1	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	0
3	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	0	Luật Hiến pháp	2	1
4	Tâm lý học đại cương	2	0	Vũ Quốc tế	0	2
5	Tin học đại cương	1	2	Luật Dân sự	3	1
6	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	0	Luật Hành chính	2	1
7				Xã hội học đại cương	2	0
<b>Tổng</b>		<b>16</b>		<b>Tổng</b>	<b>18</b>	

*Năm thứ hai*

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0
2	Luật Hình sự	3	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0
3	Luật Hôn nhân và gia đình	2	1	Thống kê trong KHXH	1	1
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	Tiếng Anh 2	1	2
5	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	1	1	Luật Đất đai	2	1
6	Tiếng Anh 1	2	1	Công pháp quốc tế	2	1
7	Khoa học quản lý	2	0	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0
<b>Tổng</b>						
			<b>18</b>	<b>Tổng</b>		<b>17</b>

*Năm thứ ba*

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Luật Tố tụng hình sự	1	1	Tư pháp quốc tế	2	0
2	Luật Lao động	2	1	Luật Tố tụng hành chính	1	1
3	Luật Môi trường	1	1	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	1	1
4	Tiếng Anh 3	1	1	Tư pháp cho người chưa thành niên	1	1
5	Luật Thương mại	2	1	Pháp luật về thanh tra và khiếu nại, tố cáo	1	1
6	Luật Tố tụng dân sự	1	1	Pháp luật về quyền con người	1	1
7				Pháp luật về công chứng, chứng thực	1	1
8				Thực tập chuyên ngành	0	3
<b>Tổng</b>				<b>Tổng</b>		
			<b>14</b>	<b>Tổng</b>		<b>17</b>

*Năm thứ tư*

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	1	1	Thực tập tốt nghiệp	0	4
2	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	1	1	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	1
3	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	1	1	<i>Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng thương mại</i>	1	1
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	1	1	<i>Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình</i>	1	1
5	Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	1	1	<i>Luật Thương mại quốc tế</i>	1	1
		<b>Tổng</b>			<b>Tổng</b>	
			<b>10</b>			<b>10</b>

## 12. Mô tả nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	<b>Triết học Mác-Lênin</b>	Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2	<b>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</b>	Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	<b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4	<b>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</b>	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến nay).
5	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
6	<b>Tâm lý học đại cương</b>	Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	<b>Xã hội học đại cương</b>	Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1, những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp

		<p> nghiên cứu và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.</p>
8	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học</b>	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.</p>
9	<b>Khoa học quản lý</b>	<p>Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức.</p>
10	<b>Thống kê trong khoa học xã hội</b>	<p>Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các</p>

		số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.
11	<b>Khởi nghiệp trong thanh niên</b>	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
12	<b>Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi</b>	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu nhi. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
13	<b>Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội</b>	Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cơ bản về: Nghiệp vụ công tác giáo dục, nghiệp vụ công tác tổ chức, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghiệp vụ công tác văn phòng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Nghiệp vụ công tác đoàn kết, tập



		hợp thành niên; Nghiệp vụ công tác thiếu nhi. Qua đó, cung cấp kiến thức cơ bản, hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
14	<b>Tin học đại cương</b>	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
15	<b>Tiếng Anh 1</b>	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
16	<b>Tiếng Anh 2</b>	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.

17	<b>Tiếng Anh 3</b>	Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Luật và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. Các chủ đề chính bao gồm: legal systems (hệ thống pháp luật), legal professionals (chuyên gia pháp lý), civil law (luật dân sự), criminal law (luật hình sự), business law (luật doanh nghiệp), contract (hợp đồng), employment law (luật lao động), economic law (luật kinh tế), commercial law (luật thương mại) và international law (luật quốc tế). Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều chủ đề hữu ích, quen thuộc khác trong lĩnh vực Luật học ở các bài học mở rộng (phần tự học). Các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, logic, tích cực và năng động được chú trọng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, dịch.
18	<b>Vũ Quốc tế</b>	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
19	<b>Cơ sở văn hoá Việt Nam</b>	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).

20	<b>Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật</b>	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật; Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; các khái niệm, hiện tượng pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, giải thích pháp luật, điều chỉnh pháp luật...
21	<b>Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị</b>	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nội dung và phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị. Cụ thể, Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Bên cạnh đó học phần làm sâu sắc nội dung và phương thức Đảng lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị cấp cơ sở.
22	<b>Luật Hiến pháp</b>	Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các nhóm vấn đề: Những vấn đề lí luận cơ bản về luật Hiến pháp và khoa học Luật hiến pháp; Chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.
23	<b>Luật hành chính</b>	Luật hành chính là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Đó là những kiến thức cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước.
		Luật dân sự là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: địa vị pháp lí, chuẩn mực pháp lí cho cách ứng xử của cá

24	<b>Luật dân sự</b>	nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về tài sản, quyền sở hữu, giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp cho người học kỹ năng phát hiện và giải quyết tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ, hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
25	<b>Luật hình sự</b>	Luật hình sự là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Tội phạm, Cấu thành tội phạm, Các giai đoạn thực hiện tội phạm, Đồng phạm, Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, Trách nhiệm hình sự và hình phạt, Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức một số tội phạm cụ thể, đặc trưng và xảy ra phổ biến.
26	<b>Luật tố tụng hình sự</b>	Luật tố tụng hình sự là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp cho sinh viên tổng hợp tất cả kiến thức về các thủ tục trong tố tụng hình sự, bao gồm những nội dung về: trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Đồng thời, học phần giúp sinh viên hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức và công dân có liên quan.
27	<b>Luật tố tụng dân sự</b>	Luật tố tụng dân sự là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy

		định của pháp luật tổ tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại cơ quan tư pháp.
28	<b>Luật thương mại</b>	Luật thương mại là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Bên cạnh đó, Luật thương mại còn cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án. Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức quan trọng về những hoạt động thương mại do thương nhân tiến hành: hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác,... Học phần còn cung cấp cho sinh viên các vấn đề pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án. Đó là những hiểu biết về trọng tài thương mại, bản chất, các hình thức của tổ tụng trọng tài, ưu điểm và hạn chế của hình thức này.
29	<b>Luật lao động</b>	Luật lao động là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các chế định về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: việc làm, học nghề, quan hệ hợp đồng lao động, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, thoả ước lao động tập thể, quản lí lao động trong doanh nghiệp, chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tranh chấp lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, môn học luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lí lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.
30	<b>Luật đất đai</b>	Luật đất đai là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật đất đai, giúp sinh viên nhận thức được chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam, về khái niệm luật đất đai, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai, các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai, nguồn của luật đất đai. Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai như hệ

		thống cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai, nội dung quản lý nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai. Những kiến thức này cần thiết cho việc tổ chức thực hiện; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước về đất đai.
31	<b>Luật hôn nhân gia đình</b>	Luật Hôn nhân và gia đình là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử; khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân; khái niệm và các chức năng cơ bản của gia đình; các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật; quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng; chế độ tài sản của vợ chồng; chấm dứt hôn nhân; các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng; căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.
32	<b>Công pháp quốc tế</b>	Công pháp quốc tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biên quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế...
33	<b>Pháp luật về phòng chống tham nhũng</b>	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên ngành luật hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về khái niệm, đặc điểm của các hành vi tham nhũng; nguyên nhân, tác hại của tham nhũng; nội dung và vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng; các biện pháp phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, học phần tập trung nghiên cứu hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

34	<b>Luật Tố tụng hành chính</b>	Luật tố tụng hành chính là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính; bảo đảm giải quyết hiệu quả các vụ án hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực thi quyền hành pháp trong tố tụng hành chính.
35	<b>Pháp luật về quyền con người</b>	Pháp luật về quyền con người là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quyền con người như khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, phân loại quyền con người; các quyền con người trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương được quy định trong luật pháp quốc tế; giới thiệu về hệ thống pháp luật quốc tế cũng như các cơ chế quốc tế và khu vực trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người. Đồng thời, học phần cung cấp các thông tin về quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người cũng như cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.
36	<b>Luật sở hữu trí tuệ</b>	Pháp luật về sở hữu trí tuệ là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về luật sở hữu trí tuệ như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, vấn đề đối tượng của sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ.
37	<b>Luật cạnh tranh</b>	Luật cạnh tranh là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần giúp sinh viên hiểu và nắm vững quy định pháp luật về các hành vi hạn chế cạnh tranh như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị thế độc quyền, tập trung kinh tế. Bên cạnh đó, những quy định pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh như chỉ dẫn gây nhầm lẫn, xâm phạm bí mật kinh doanh, gây rối hoạt động doanh nghiệp khác, quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh ... cũng được làm sáng tỏ. Trên

		<p>cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá những quy định pháp luật, nhận biết được ranh giới giữa hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và hành vi không vi phạm. Mặt khác, những vấn đề về tố tụng liên quan đến các hành vi vi phạm luật cạnh tranh cũng được trình bày giúp sinh viên có được hiểu biết cơ bản về chế tài, cơ quan có thẩm quyền xử lý và trình tự thủ tục xử lý các vụ việc cạnh tranh.</p>
38	<b>Pháp luật về công chứng và chứng thực</b>	<p>Pháp luật về công chứng và chứng thực là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực. Qua đó, đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và các vấn đề có liên quan. Học phần cũng cung cấp các vấn đề lý luận chung về hoạt động công chứng, chứng thực; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; các thủ tục thực hiện công chứng và thực hiện chứng thực trong thực tế.</p>
39	<b>Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo</b>	<p>Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những kiến thức lý luận và kỹ năng thực tiễn về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra, quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo dưới góc độ là một trong những nội dung của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.</p>
40	<b>Luật môi trường</b>	<p>Pháp luật môi trường là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về bảo vệ môi trường.</p>
41	<b>Luật an sinh xã hội</b>	<p>Pháp luật an sinh xã hội là học phần tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về vai trò, bản chất chức năng của ASXH, các chính sách ASXH; Nghiên cứu khái quát về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm xã hội trong hệ thống ASXH; Nghiên cứu các hình thức của hệ thống ASXH đó là bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, chính sách xóa đói giảm nghèo và quỹ dự phòng. Bên cạnh đó học phần cũng nghiên cứu về bảo hiểm thương mại trong hệ thống ASXH, các dịch vụ hỗ trợ ASXH. Học phần cũng</p>

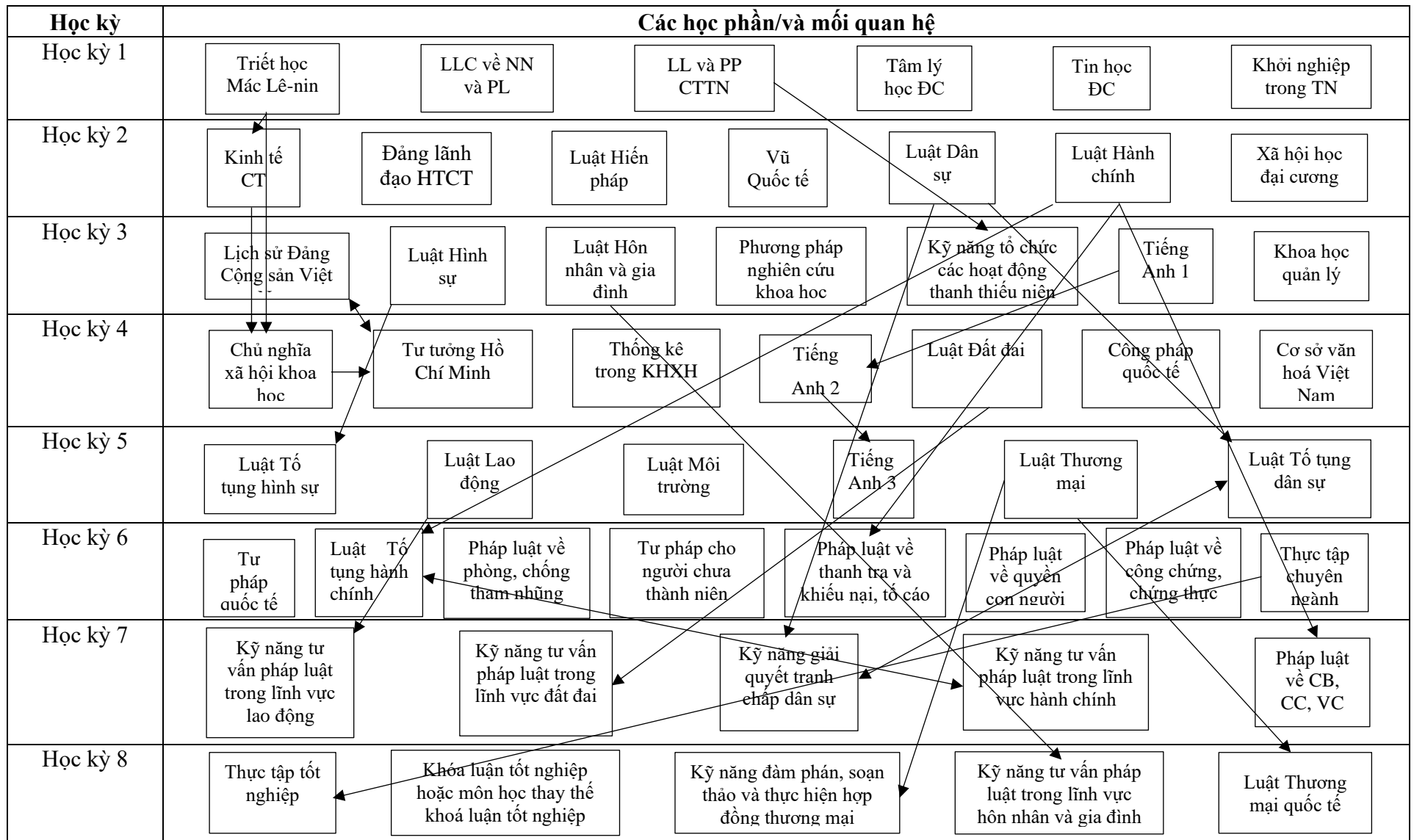


		đề cập đến việc nâng cao nhận thức về ASXH và giới thiệu về cơ quan quản lý nhà nước về ASXH.
42	<b>Pháp luật về cán bộ, công chức và viên chức</b>	Pháp luật về hộ tịch là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức. Qua đó sinh viên có thể phân biệt được sự khác nhau của cán bộ, công chức và viên chức. Học phần được thiết kế 4 chương, bao gồm: Tổng quan về chế độ công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; Nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, công chức và viên chức; Quản lý cán bộ, công chức và viên chức; Trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức và viên chức.
43	<b>Tư pháp cho người chưa thành niên</b>	Tư pháp cho người chưa thành niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp các kiến thức pháp lý- thực tiễn về những vấn đề chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và trẻ em, bao gồm: phát triển thanh niên, quản lý nhà nước về công tác thanh niên, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em,... Ngoài ra, học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về tâm lý thanh niên, trẻ em, phương pháp làm việc cùng thanh niên và trẻ em trên thực tế. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung cơ bản của pháp luật về thanh niên và trẻ em cũng như những vấn đề về chính sách, pháp luật liên quan đến các đối tượng này đang đặt ra trên thực tế.
44	<b>Thực tập chuyên ngành</b>	Thực tập chuyên ngành là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Đây là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để học hỏi, quan sát công việc tại một đơn vị có liên quan đến công tác pháp luật. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được

		học vào thực tiễn.
46	<b>Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động</b>	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật lao động như: Tư vấn các loại hợp đồng trong lĩnh vực lao động (hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài); kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án lao động và kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp lao động tại toà án.
47	<b>Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai</b>	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai pháp luật về đất đai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế có liên quan đến đất đai từ đơn giản đến phức tạp.
48	<b>Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính</b>	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính; chủ thể tư vấn trong lĩnh vực hành chính; đối tượng tư vấn; nội dung tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính; Kỹ năng đại diện ngoài tổ tụng; kỹ năng tư vấn pháp luật về khiếu nại hành chính và thủ tục hành chính.
49	<b>Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình</b>	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá các vụ việc trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để

		giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có thể xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế có liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.
50	<b>Luật Thương mại quốc tế</b>	Luật Thương mại quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần đề cập đến những vấn đề pháp lý cơ bản trong kinh doanh quốc tế như khái niệm và đặc điểm của pháp luật kinh doanh quốc tế, các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới, nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học những cơ sở pháp lý cho các giao dịch quốc tế phổ biến như: hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế.
51	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	Thực tập tốt nghiệp là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để tác nghiệp tại một đơn vị. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn.
52	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	Theo quy định chung của Học viện

### 13. SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN VÀ MỐI QUAN HỆ



**Ghi chú:** Môn học có mũi tên xuất phát có nội dung làm nền tảng cho môn học có mũi tên đến. Mũi tên hai chiều thể hiện các môn học có nội dung liên quan, hỗ trợ cho nhau.

#### 14. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PLO) và Chuẩn đầu ra (PLO)

Mục tiêu Chuẩn đầu ra	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	X					
PLO2	X	X	X	X	X	X
PLO3		X	X	X	X	X
PLO4		X	X	X	X	X
PLO5		X	X	X	X	X
PLO6		X	X	X		
PLO7		X	X	X	X	
PLO8		X	X	X	X	
PLO9		X	X	X	X	X
PLO10		X	X	X	X	X
PLO11		X	X	X	X	X
PLO12					X	X
PLO13					X	X
PLO14					X	X
PLO15		X	X	X	X	X
PLO16		X	X	X	X	X

**Chú thích:**

- Chỉ ghi mã mục tiêu và chuẩn đầu ra, không ghi nội dung cụ thể và chuẩn đầu ra
- Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT

## PHỤ LỤC 1

### THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

<b>Lĩnh vực về nhận thức</b>	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	K2	K3	K4	K5	K6
<b>Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)</b>	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hoá hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện một cách nhất quán	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tự động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	S2	S3	S4	S5	
<b>Lĩnh vực về cảm xúc</b>	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	
		A1	A2	A3	A4	A5	

## PHỤ LỤC 2

### TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

#### Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
<b>Tham gia lớp học</b>	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
<b>Vào lớp học đúng giờ</b>	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
<b>Tham gia các hoạt động trên lớp</b> (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
<b>Thực hiện nhiệm vụ tự học</b> (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập đúng hạn	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; bài tập sao chép, đạo văn.	15%

## Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá tiểu luận, báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Phần mở đầu	Ngắn gọn, đầy đủ, rõ ràng, chính xác	Rõ ràng, đầy đủ, chính xác	Chính xác	Chưa chính xác	Không có phần mở đầu	10%
Phần lý luận	Ngắn gọn, đầy đủ, có nhiều trích dẫn rõ ràng	Ngắn gọn, đầy đủ, có trích dẫn rõ ràng	Đầy đủ, không có trích dẫn	Chưa đầy đủ, không có trích dẫn	Chép tài liệu nhiều mà không có trích dẫn	25%
Phần thực tiễn	Thực tiễn phong phú, phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích làm rõ một số hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn	Thực tiễn nghèo nàn, phân tích chưa thuyết phục, phân phân tích hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân chưa thuyết phục	Phần thực tiễn viết không có bố cục rõ ràng	30%
Phần kiến nghị	Giải pháp toàn diện, có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, hạn chế về ý nghĩa lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa toàn diện, chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn, không có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn	Không có phần giải pháp hoặc giải pháp viết không có bố cục, không rõ ý	25%
Hình thức tiểu luận	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, vẫn còn lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Cẩu thả, còn nhiều lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Không theo đúng quy chuẩn mẫu	10%



### Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
<b>Nội dung</b>	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung phù hợp và chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có một số phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	50%
<b>Trình bày</b>	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, ảnh biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	20%
<b>Trả lời câu hỏi</b> (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén. Tự tin khi trả lời.	Trả lời ngắn gọn, phù hợp. Tự tin khi trả lời.	Trả lời phù hợp. Hơi thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời ít liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	30%

### Rubrics 4. Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
<b>Tổ chức, điều hành, phát triển nhóm</b>	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng. Hầu như có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ từng thành viên không rõ ràng. Chưa có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Không có hoạt động nhóm	30%
<b>Thảo luận nhóm</b>	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thường xuyên đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng, không liên quan đến yêu cầu của nhóm.	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	40%
<b>Hợp tác nhóm</b>	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của các thành viên, khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, cởi mở, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 1 buổi họp nhóm. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 2 - 3 buổi họp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	30%